

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

Số -NQ/TU

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030
về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững,
gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030
và định hướng đến năm 2045

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, từng bước chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, đạt được một số kết quả tích cực. Nhận thức của người dân về phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản ngày càng được nâng lên; các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, làm đất, tưới tiết kiệm, thông minh, chế biến sâu,... ngày càng áp dụng rộng rãi, an toàn và thân thiện với môi trường. Tư duy sản xuất nông nghiệp đã có sự chuyển biến từ manh mún, nhỏ lẻ sang sản xuất theo chuỗi giá trị, tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cụ thể:

Công tác tuyên truyền, vận động được triển khai đa dạng, hiệu quả với 141 tin, 105 bài, 90 phóng sự, góp phần lan tỏa chủ trương phát triển nông nghiệp bền vững đến người dân. Công tác đào tạo, tập huấn được chú trọng với 11.255 lao động nông thôn được đào tạo nghề. Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tích hợp với quy mô 34.123 ha. Diện tích cây trồng ứng dụng công nghệ cao đạt 27.277,2 ha, trong đó 2.506,6 ha đạt tiêu chuẩn chất lượng; đã cấp 47 mã số vùng trồng và hình thành 142 cơ sở chăn nuôi trang trại. Lĩnh vực thủy sản đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, sản lượng thủy sản tăng dần qua các năm, nhiều cơ sở nuôi trồng thủy sản được cấp mã số cơ sở nuôi phục vụ cho truy xuất nguồn gốc thủy sản, các mô hình sản xuất thủy sản hạn chế dịch bệnh, nâng cao hiệu quả đã được áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh. Lĩnh vực lâm nghiệp và dược liệu có chuyển biến với 1.981 ha rừng ứng dụng công nghệ cao và 3.394 ha dược liệu sản xuất theo hướng hữu cơ. Thu hút đầu tư đạt kết quả nổi bật với 20 dự án, tổng vốn 3.553 tỷ đồng; hình thành 13 cơ sở chế biến và 82 hợp tác xã nông nghiệp. Toàn khu vực phía Tây có 242 sản phẩm OCOP đạt từ 3-5 sao, góp phần nâng cao giá trị sản

phẩm địa phương. Công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách và xúc tiến thương mại được quan tâm, với 69 dự án nông nghiệp và 09 dự án chế biến được kêu gọi đầu tư. Nguồn lực tín dụng cho nông nghiệp đạt 30.447 tỷ đồng, chiếm 63,9% tổng dư nợ. Chuyển đổi số có bước tiến với 116.656 hộ tham gia sàn thương mại điện tử và 2.651 sản phẩm được đưa lên sàn. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ được đẩy mạnh với 11 nhiệm vụ cấp tỉnh và nhiều dự án chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững.

2. Tuy nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế như: Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán, tự phát; việc hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung để phục vụ cho chế biến thiếu tính ổn định, không bền vững; sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, thiên tai, dịch bệnh; thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nhất là đầu tư vào chế biến sâu và tiêu thụ sản phẩm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản chưa đồng bộ, quy mô nhỏ; việc liên kết giữa các khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ theo chuỗi giá trị còn ít, chưa chặt chẽ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

3. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế xuất phát từ việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng chuyên sâu còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn; trình độ người dân không đồng đều, sản xuất theo tập quán, tự phát mặc dù đã được tập huấn; các hợp tác xã về sản xuất nông nghiệp hầu như mới thành lập, thiếu kinh nghiệm trong quản lý, điều hành; doanh nghiệp đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp chưa nhiều, hầu như là những doanh nghiệp nhỏ nên khó khăn trong việc xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho người dân. Cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa thực sự đồng bộ, đủ mạnh và hấp dẫn. Nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến và logistics nông sản còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ là hết sức cần thiết, nhằm thống nhất nhận thức, xác định rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm; làm cơ sở để các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả trong thời gian tới.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chiến lược; gắn liền với quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bảo

vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

2. Phát triển nông nghiệp dựa trên tiềm năng và lợi thế của từng vùng; hình thành các vùng sản xuất tập trung, ổn định; ưu tiên phát triển sản phẩm chủ lực, đặc hữu, nhất là dược liệu gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, cụ thể: Tại khu vực phía Tây ưu tiên phát triển các sản phẩm như dược liệu, cà phê, cây ăn quả, chăn nuôi, lâm nghiệp; khu vực phía Đông ưu tiên phát triển các sản phẩm như lúa, thủy sản, logistics và cảng biển.

3. Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

4. Lấy doanh nghiệp làm hạt nhân dẫn dắt chuỗi giá trị, hợp tác xã là nền tảng tổ chức sản xuất, nông dân là chủ thể; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, điều phối và dẫn dắt phát triển theo chuỗi ngành hàng.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

1.1. Mục tiêu tổng quát

- Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền.

- Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

- Phát triển diện tích sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt, giảm phát thải khí nhà kính, trồng trọt hữu cơ, VietGAP và tương đương khoảng 4.000 ha; hình thành vùng trồng dược liệu tập trung khoảng 8.000 ha và trở thành tỉnh sản xuất dược liệu lớn của cả nước; có thêm 05 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 10 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; thu hút từ 01- 02 doanh nghiệp có quy mô lớn, đầu tư chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ nông nghiệp.

- Duy trì ổn định diện tích lúa nước hiện có, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, chuyển đổi diện tích trồng lúa không hiệu quả; phấn đấu diện tích cà

phê xú lạnh đạt từ 7.000 ha trở lên; diện tích cây ăn quả đạt khoảng 16.000 - 18.000 ha, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Phân đầu hình thành và được cấp thêm 30 mã số vùng trồng, 10 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu; thành lập mới khoảng 50 hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã; công nhận 300 sản phẩm OCOP mới đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 07 sản phẩm OCOP tiềm năng đạt chuẩn 5 sao, 50 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, còn lại là sản phẩm đạt chuẩn 3 sao; có ít nhất 50% chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định; Có ít nhất 20 - 30% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...).

- Phân đầu 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn có chứng nhận an toàn dịch bệnh, phát triển thêm 01 trang trại bò sữa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc đạt tối thiểu 80% tổng đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng hằng năm; kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật. Hình thành thêm 02 cơ sở giết mổ tập trung ở phía Đông của tỉnh.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.530 ha, phát triển 2.500 ô lồng nuôi trên biển; sản lượng nuôi trồng đạt 17.547 tấn, sản lượng khai thác đạt 267.400 tấn/năm; hình thành thêm 02 chuỗi liên kết khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ thủy sản; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản bảo đảm an toàn thực phẩm và tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Định hướng đến năm 2045

Nông nghiệp tỉnh phát triển hiện đại, toàn diện theo hướng sinh thái, bảo vệ môi trường; 100% các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao; giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đạt 30 - 35% giá trị sản phẩm nông nghiệp chung của tỉnh. Nông thôn hiện đại, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; nông dân có mức thu nhập cao.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Tăng cường quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nội dung phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; làm rõ vai trò trung tâm của người nông dân, vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp và vai trò kiến tạo của Nhà nước. Đổi mới hình thức tuyên truyền

theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng, từng ngành hàng.

- Xây dựng và duy trì các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, mạng xã hội về nông nghiệp bền vững; thường xuyên giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, chuỗi liên kết thành công, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng chế biến và xuất khẩu, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy học tập, nhân rộng.

- Tổ chức, phát động các phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát huy vai trò nòng cốt của hệ thống khuyến nông thông qua xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả, gắn tập huấn, đào tạo với thực tiễn sản xuất; khuyến khích người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia các chương trình, dự án phát triển vùng nguyên liệu bền vững, tuân thủ nghiêm các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp về phát triển nông nghiệp bền vững, kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến và hội nhập thị trường; nâng cao năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát; tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động.

- Thực hiện tốt công tác khảo sát, xây dựng, tích hợp quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh vào quy hoạch vùng và quy hoạch quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là doanh nghiệp chế biến sâu, bảo quản, logistics nông sản. Thực hiện hiệu quả chính sách tạo quỹ đất, giao đất, cho thuê đất, ưu đãi đầu tư; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, gắn với tiêu chuẩn hóa sản xuất và tự động hóa.

- Tăng cường liên kết và phát huy hiệu quả vai trò của “4 nhà”: Nhà nước - Nhà nông - Nhà khoa học - Doanh nghiệp, bảo đảm hội tụ đầy đủ các yếu tố về cơ chế, chính sách, vốn, khoa học - công nghệ và thị trường để phát triển nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa bền vững.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; tăng cường quản lý nhà nước về thú y, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm; bảo đảm chất lượng và tính bền vững của vùng nguyên liệu phục vụ chế biến. Xây dựng và duy trì, đảm bảo chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với các bệnh

nguy hiểm theo tiêu chuẩn của Việt Nam và Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

3. Tái cơ cấu sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến

- Rà soát, đẩy mạnh dồn điền, đổi thửa, tích tụ và tập trung đất đai; khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tiếp tục hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ổn định gắn công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; phát triển các “cánh đồng lớn” trong nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái tại những địa bàn có điều kiện thuận lợi. Ưu tiên phát triển các loại cây ăn quả chủ lực phục vụ chế biến và xuất khẩu như chuối, chanh dây, dưa, sầu riêng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị ngành trồng trọt.

- Tập trung cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi theo hướng phát triển trang trại, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học; giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung gắn với cơ sở giết mổ tập trung, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phát triển các giống vật nuôi chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện từng địa phương.

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản, tăng chất lượng sản phẩm từ nuôi trồng; giảm số lượng tàu cá và ổn định sản lượng khai thác thủy sản để phục hồi nguồn lợi thủy sản; phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực, sản phẩm đặc hữu gắn với chỉ dẫn địa lý, thương hiệu và thị trường tiêu thụ.

- Hình thành và phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản gắn với các khu, cụm công nghiệp; bảo đảm sự kết nối chặt chẽ giữa vùng sản xuất nguyên liệu với cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức xây dựng, nhân rộng các mô hình khuyến nông hiệu quả trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, làm cơ sở thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp thông qua hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh, ưu tiên hỗ trợ các Hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp, hộ dân xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển thị trường, hỗ trợ xuất khẩu nông nghiệp, thủy sản

- Cụ thể hóa, triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp chế biến. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp và các hình thức hỗ trợ phù hợp.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát và kiểm định chất lượng nông sản; nâng cao năng lực dự báo, phân tích thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp. Xây dựng và triển khai chiến lược xúc tiến thương mại nông sản theo chuỗi giá trị, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, chú trọng thị trường xuất khẩu có tiêu chuẩn cao.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi; áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thương hiệu nông sản của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ trong hệ thống phân phối hiện đại và xuất khẩu.

5. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước gắn với việc huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa; đồng thời đẩy mạnh lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, vùng nguyên liệu tập trung, khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; đẩy mạnh liên kết vùng, kết nối hạ tầng sản xuất - chế biến - tiêu thụ đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp để phát triển hệ thống thủy lợi.

- Thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các vùng trồng dược liệu tập trung đối với các loài dược liệu đặc hữu, có thể mạnh, giá trị cao và sức tiêu thụ lớn trên thị trường (như Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Lan Kim Tuyến, Quế Trà Bồng...).

6. Đẩy mạnh khoa học - công nghệ và chuyển đổi số cho phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đất đai, nguồn nước, khí hậu, dịch bệnh; phát triển bản đồ số nông nghiệp và các nền tảng kết nối, chia sẻ thông tin phục vụ quản lý, sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; từng bước phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch.

- Tăng cường xây dựng và triển khai các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học - công nghệ trong nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác với các Viện nghiên cứu, trường Đại học, doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công

nghe cao, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến sâu trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp bền vững; xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động ươm tạo, thử nghiệm, trình diễn và nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; mở rộng mạng lưới hỗ trợ thông tin, dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

2. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nội dung Nghị quyết này thành các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch hành động với lộ trình, kết quả và phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân có liên quan; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch về tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tham mưu phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến Chi bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng TW và các vụ địa phương (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy: các cơ quan Đảng tỉnh, UBND tỉnh, Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Đảng ủy MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY